

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Hà Vĩnh

Ông Đào Quang Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị M; Sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị M và anh Đ (Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2021, bản tự khai ngày 05/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2017 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước kết hôn, hai bên chưa có nhiều thời gian tìm hiểu về nhau nên khi bước vào cuộc sống hôn nhân thì thấy vợ chồng có nhiều bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Tình trạng như

vậy kéo dài khiến cho chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi và chán nản. Hiện tại, chị và anh Đ đã sống ly thân đến nay được hai năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2019. Ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12/8/2021, anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, tình cảm vợ chồng hòa thuận bình thường, đôi lúc do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng cũng có mâu thuẫn. Tuy nhiên, theo anh đây cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị M làm đơn ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị M mà đề nghị được đoàn tụ.

Về con chung Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2019. Nếu chị M nhất quyết yêu cầu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh Đ không có mặt nên Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ vắng mặt anh Đ và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị Trịnh Thị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị M và anh Đ.

[5]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị M và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nhưng thời gian gần đây thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do hai bên không có sự thông cảm, sẻ chia trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không hạnh phúc. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Hiện tại, chị M và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mặc dù anh Đ mong muốn được đoàn tụ nhưng chị M nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trịnh Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung. Ly hôn, cả chị M và anh Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị M và anh Đ đều chính đáng. Tuy nhiên, cháu Q là con gái, lại đang còn rất nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi), nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Q cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[7]. Về tài sản: Chị M và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị M, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04/6/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị M chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0003224 ngày 02/8/2021, chị M đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trịnh Thị M và anh Nguyễn Văn Đ. Chị M và anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc